

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt (**VIETVALUES**)

Công ty thành viên của JPA International

Địa chỉ đăng ký : 33 Phan Văn Khỏe, phường 13, quận 5, Tp.HCM

Chi nhánh Đà Nẵng : 63/5 Trần Quốc Toản, Phường Phước Ninh,

Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng

Email : contact@vietvalues.com

Website : www.vietvalues.com



BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP VỀ BÁO CÁO TÀI CHÍNH

CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2022

CÔNG TY CỔ PHẦN CHÈ BIỂN HỒ

MỤC LỤC

| Nội dung | Trang |
|--|--------------|
| 1. Báo cáo của Hội đồng quản trị | 02 - 04 |
| 2. Báo cáo kiểm toán độc lập | 05 - 06 |
| 3. Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 | 07 - 08 |
| 4. Kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 | 09 |
| 5. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 | 10 |
| 6. Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 | 11 - 38 |

CÔNG TY CỔ PHẦN CHÈ BIỂN HỒ

Thôn 5, xã Nghĩa Hưng, huyện Chư Păh, tỉnh Gia Lai, Việt Nam

Báo cáo của Hội đồng quản trị

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Chè Biển Hồ trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 đã được kiểm toán.

1. Khái quát về Công ty

Công ty Cổ phần Chè Biển Hồ (sau đây gọi tắt là “Công ty”) là công ty cổ phần, được cổ phần hóa theo Quyết định số 144/QĐ-UBND ngày 09 tháng 04 năm 2018 của UBND tỉnh Gia Lai từ Công ty TNHH Một thành viên Chè Biển Hồ. Công ty hoạt động sản xuất kinh doanh theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 5900188843 ngày 13 tháng 09 năm 2018 (được điều chỉnh lần thứ 3 của Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 5900188843 cấp ngày 07 tháng 12 năm 2012) do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Gia Lai cấp lần đầu ngày 31 tháng 12 năm 2010, Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan.

Cổ phiếu của Công ty đã được đăng ký giao dịch trên sàn UpCom tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội theo Quyết định số 681/QĐ-SGDHN ngày 23 tháng 10 năm 2018.

Mã chứng khoán là BHG

Vốn điều lệ: 89.356.430.000 đồng

Vốn góp thực tế tính đến ngày 31/12/2022: 89.356.430.000 đồng

2. Trụ sở hoạt động

- Địa chỉ : Thôn 5, xã Nghĩa Hưng, huyện Chư Păh, tỉnh Gia Lai
- Điện thoại : (84) 0269 3845 571
- Fax : (84) 0269 3842 106

3. Ngành nghề kinh doanh

- Bán buôn thực phẩm. Chi tiết: Mua bán xuất nhập khẩu chè, cà phê;
- Trồng cây cà phê;
- Hoạt động dịch vụ trồng trọt;
- Sản xuất thực phẩm khác chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Chế biến chè, cà phê;
- Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Kinh doanh vật tư nông nghiệp, mua bán thuốc bảo vệ thực vật;
- Nghiên cứu và phát triển thực nghiệm khoa học tự nhiên và kỹ thuật. Chi tiết: Nghiên cứu, xây dựng, tư vấn và chuyển giao các mô hình ứng dụng tiến bộ khoa học trong lĩnh vực nông nghiệp;
- Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống. Chi tiết: Mua bán hàng nông sản (trừ mù cao su)...

4. Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Tổng Giám đốc

Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Tổng Giám đốc của Công ty trong năm bao gồm:



CÔNG TY CỔ PHẦN CHÈ BIỂN HỒ

Thôn 5, xã Nghĩa Hưng, huyện Chư Păh, Tỉnh Gia Lai

Báo cáo của Hội đồng quản trị

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

4.1 Hội đồng quản trị

| Họ và tên | Chức vụ | Ngày bổ nhiệm | Ngày miễn nhiệm |
|-----------------------|------------|---------------|-----------------|
| Ông Trịnh Quang Hưng | Chủ tịch | 11/09/2018 | |
| Ông Trịnh Đình Trường | Thành viên | 11/09/2018 | |
| Ông Phạm Văn Cường | Thành viên | 11/09/2018 | |
| Ông Nguyễn Trung Kiên | Thành viên | 11/09/2018 | 28/4/2022 |
| Ông Trịnh Văn Công | Thành viên | 13/04/2019 | |
| Ông Trịnh Quang Vinh | Thành viên | 20/05/2020 | |

4.2. Ban kiểm soát

| Họ và tên | Chức vụ | Ngày bổ nhiệm | Ngày miễn nhiệm |
|-------------------------|------------|---------------|-----------------|
| Ông Trần Đông Hưng | Trưởng ban | 26/04/2021 | |
| Bà Lê Thị Vinh | Thành viên | 14/09/2018 | |
| Bà Nguyễn Thị Trà Giang | Thành viên | 20/05/2020 | |

4.3. Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng

| Họ và tên | Chức vụ | Ngày bổ nhiệm | Ngày miễn nhiệm |
|--------------------------|----------------|---------------|-----------------|
| Ông Trịnh Đình Trường | Tổng Giám đốc | 14/09/2018 | |
| Bà Nguyễn Thị Thanh Tùng | Kế toán trưởng | 16/08/2019 | |

5. Đại diện pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này như sau:

| Họ và tên | Chức vụ | Ngày bổ nhiệm |
|-----------------------|---------------|---------------|
| Ông Trịnh Quang Hưng | Chủ tịch | 11/09/2018 |
| Ông Trịnh Đình Trường | Tổng Giám đốc | 14/09/2018 |

6. Đánh giá tình hình hoạt động

Kết quả hoạt động và tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Chè Biển Hồ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 được thể hiện trong Báo cáo tài chính từ trang 07 đến trang 38.

7. Sự kiện sau ngày kết thúc niên độ

Theo ý kiến của Tổng Giám đốc, Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 sẽ không bị ảnh hưởng nghiêm trọng bởi bất kỳ khoản mục, nghiệp vụ hay sự kiện quan trọng hoặc có bản chất bất thường nào phát sinh từ ngày kết thúc niên độ cho đến ngày lập Báo cáo tài chính này cần thiết phải có các điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

8. Kiểm toán viên

Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt tại Đà Nẵng - **VIETVALUES** được chỉ định thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

CÔNG TY CỔ PHẦN CHÈ BIỂN HỒ

Thôn 5, xã Nghĩa Hưng, huyện Chư Păh, Tỉnh Gia Lai

Báo cáo của Hội đồng quản trị

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

của Công ty. Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt tại Đà Nẵng - VIETVALUES bày tỏ nguyện vọng tiếp tục được chỉ định là kiểm toán viên độc lập của Công ty.

9. Trách nhiệm của Tổng Giám đốc

Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính để phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Tổng Giám đốc đã:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán.
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng.
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính.
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Tổng Giám đốc đảm bảo các số kế toán có liên quan được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính, tình hình hoạt động của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các số kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

10. Phê duyệt Báo cáo tài chính

Chúng tôi, Hội đồng quản trị phê duyệt Báo cáo tài chính đính kèm. Theo Giấy uỷ quyền số 04/UQ-BHG ngày 24/03/2023 của Chủ tịch Hội đồng quản trị, Ông Trịnh Đình Trường được uỷ quyền phê duyệt Báo cáo tài chính đính kèm. Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2022 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Thay mặt Hội đồng quản trị



TRỊNH ĐÌNH TRƯỜNG

Thành viên Hội đồng quản trị

Gia Lai, ngày 27 tháng 03 năm 2023

CÔNG
TY C
PH N
CHÈ
BI N H

Digitally signed by
CÔNG TY C PH N
CHÈ BI N H
DN: cn=CÔNG TY
C PH N CHÈ BI N
H c=VN l=Ch P h
Reason: I am the
author of this
document
Location:
Date: 2023-03-27
10:23+07:00



Số: 24/2023/BCKT/AUD-DNVVALUES

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN CHÈ BIỂN HỒ**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Chè Biển Hồ (sau đây gọi tắt là “Công ty”), được lập ngày 27 tháng 03 năm 2023, từ trang 07 đến trang 38, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Tổng Giám đốc

Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Như trình bày ở thuyết minh số V.4 “Phải thu về cho vay”, trong năm Công ty có thực hiện cấp tín dụng (cho vay tiền) với Công ty Cổ phần Cà Phê Gia Lai (chung nhà đầu tư) là chưa phù hợp với các quy định hiện hành.

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của vấn đề nêu tại đoạn “Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ”, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Chè Biển Hồ tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

TP. Đà Nẵng, ngày 27 tháng 03 năm 2023

Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt tại Đà Nẵng- VIETVALUES



Trần Xuân Thanh - Phó Giám đốc Chi nhánh
Giấy CNĐKHN số: 1650-2023-071-1
Chữ ký được ủy quyền

Huỳnh Minh Hưng - Kiểm toán viên
Giấy CNĐKHN số: 3402-2020-071-1

Nơi nhận:

- Như trên.
- Lưu **VIETVALUES**.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHÈ BIÊN HÓ

Địa chỉ: Thôn 5, xã Nghĩa Hưng, huyện Chư Păh, tỉnh Gia Lai

Bảng cân đối kế toán

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

ĐVT: VNĐ

| Mã số | TÀI SẢN | Thuyết minh | Số cuối năm | Số đầu năm |
|------------|---|-------------|------------------------|------------------------|
| 1 | 2 | 3 | 4 | 5 |
| 100 | A. TÀI SẢN NGẮN HẠN | | 90.148.293.558 | 96.796.109.940 |
| 110 | I. Tiền và các khoản tương đương tiền | V.1 | 2.199.789.806 | 1.211.073.516 |
| 111 | 1. Tiền | | 2.199.789.806 | 1.211.073.516 |
| 112 | 2. Các khoản tương đương tiền | | - | - |
| 120 | II. Đầu tư tài chính ngắn hạn | | - | - |
| 130 | III. Các khoản phải thu ngắn hạn | | 67.445.901.416 | 63.760.130.492 |
| 131 | 1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng | V.2a | 36.378.055.768 | 17.551.200.035 |
| 132 | 2. Trả trước cho người bán ngắn hạn | V.3 | 152.777.600 | 20.206.000.000 |
| 135 | 3. Phải thu về cho vay ngắn hạn | V.4a | 16.052.188.000 | 16.576.900.000 |
| 136 | 4. Phải thu ngắn hạn khác | V.5a | 14.875.435.553 | 9.438.585.962 |
| 137 | 5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi | | (12.555.505) | (12.555.505) |
| 140 | IV. Hàng tồn kho | | 20.276.355.233 | 31.571.288.081 |
| 141 | 1. Hàng tồn kho | V.6 | 20.276.355.233 | 31.571.288.081 |
| 142 | 2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*) | | - | - |
| 150 | V. Tài sản ngắn hạn khác | | 226.247.103 | 253.617.851 |
| 151 | 1. Chi phí trả trước ngắn hạn | V.7a | 96.502.397 | 82.038.132 |
| 153 | 2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước | V.13 | 129.744.706 | 171.579.719 |
| 200 | B. TÀI SẢN DÀI HẠN | | 74.887.443.794 | 66.594.643.062 |
| 210 | I. Các khoản phải thu dài hạn | | 26.222.420.347 | 12.516.420.347 |
| 211 | 1. Phải thu dài hạn của khách hàng | V.2b | - | 12.500.000.000 |
| 215 | 2. Phải thu về cho vay dài hạn | V.4b | 26.206.000.000 | - |
| 216 | 3. Phải thu dài hạn khác | V.5b | 16.420.347 | 16.420.347 |
| 220 | II. Tài sản cố định | | 45.147.573.637 | 51.144.317.327 |
| 221 | 1. Tài sản cố định hữu hình | V.8 | 45.147.573.637 | 51.129.612.327 |
| 222 | - Nguyên giá | | 147.645.368.012 | 148.369.703.579 |
| 223 | - Giá trị hao mòn lũy kế | | (102.497.794.375) | (97.240.091.252) |
| 227 | 2. Tài sản cố định vô hình | V.9 | - | 14.705.000 |
| 228 | - Nguyên giá | | 66.172.500 | 66.172.500 |
| 229 | - Giá trị hao mòn lũy kế | | (66.172.500) | (51.467.500) |
| 230 | III. Bất động sản đầu tư | | - | - |
| 240 | IV. Tài sản dở dang dài hạn | | 1.146.877.212 | - |
| 241 | 1. Chi phí SXKD dở dang dài hạn | | - | - |
| 242 | 2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang | V.10 | 1.146.877.212 | - |
| 250 | V. Đầu tư tài chính dài hạn | | - | - |
| 260 | VI. Tài sản dài hạn khác | | 2.370.572.598 | 2.933.905.388 |
| 261 | 1. Chi phí trả trước dài hạn | V.7b | 2.370.572.598 | 2.933.905.388 |
| 268 | 2. Tài sản dài hạn khác | | - | - |
| 270 | TỔNG CỘNG TÀI SẢN | | 165.035.737.352 | 163.390.753.002 |



CÔNG TY CỔ PHẦN CHÈ BIÊN HỒ

Địa chỉ: Thôn 5, xã Nghĩa Hưng, huyện Chư Păh, tỉnh Gia Lai

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

| Mã số | NGUỒN VỐN | Thuyết minh | Số cuối năm | Số đầu năm |
|------------|--|-------------|------------------------|------------------------|
| 1 | 2 | 3 | 4 | 5 |
| 300 | C. NỢ PHẢI TRẢ | | 71.948.320.478 | 70.844.133.859 |
| 310 | I. Nợ ngắn hạn | | 69.716.252.254 | 68.750.379.260 |
| 311 | 1. Phải trả người bán ngắn hạn | V.11 | 4.182.617.830 | 1.204.155.800 |
| 312 | 2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn | V.12 | 400.000.000 | - |
| 313 | 3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước | V.13 | 1.448.164.389 | 139.062.936 |
| 314 | 4. Phải trả người lao động | V.14 | 943.520.423 | 383.884.474 |
| 315 | 5. Chi phí phải trả ngắn hạn | V.15 | - | 189.539.280 |
| 319 | 6. Phải trả ngắn hạn khác | V.16a | 1.969.590.117 | 4.283.788.374 |
| 320 | 7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn | V.17a | 59.964.811.446 | 61.742.400.347 |
| 322 | 9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi | | 807.548.049 | 807.548.049 |
| 330 | II. Nợ dài hạn | | 2.232.068.224 | 2.093.754.599 |
| 337 | 1. Phải trả dài hạn khác | V.16b | 1.442.671.834 | 1.304.358.209 |
| 338 | 2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn | V.17b | 789.396.390 | 789.396.390 |
| 400 | D. VỐN CHỦ SỞ HỮU | | 93.087.416.874 | 92.546.619.143 |
| 410 | I. Vốn chủ sở hữu | V.18 | 93.087.416.874 | 92.546.619.143 |
| 411 | 1. Vốn góp của chủ sở hữu | | 89.356.430.000 | 89.356.430.000 |
| 411a | - Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết | | 89.356.430.000 | 89.356.430.000 |
| 411b | - Cổ phiếu ưu đãi | | - | - |
| 421 | 2. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối | | 3.730.986.874 | 3.190.189.143 |
| 421a | - LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước | | 3.190.189.143 | 3.023.306.717 |
| 421b | - LNST chưa phân phối kỳ này | | 540.797.731 | 166.882.426 |
| 430 | II. Nguồn kinh phí và quỹ khác | | - | - |
| 440 | TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN | | 165.035.737.352 | 163.390.753.002 |

Người lập biểu

PHAN THANH THƯ

Kế toán trưởng

NGUYỄN THỊ THANH TÙNG

Gia Lai, ngày 27 tháng 03 năm 2023

Tổng Giám đốc

TRỊNH ĐÌNH TRƯỜNG



CÔNG TY CỔ PHẦN CHÈ BIÊN HÒ

Địa chỉ: Thôn 5, xã Nghĩa Hưng, huyện Chư Păh, tỉnh Gia Lai

Kết quả hoạt động kinh doanh

Cho năm tài kết thúc ngày 31/12/2022

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

ĐVT: VNĐ

| Mã số | CHỈ TIÊU | Thuyết minh | Năm nay | Năm trước |
|-------|---|-------------|-----------------------|-----------------------|
| 1 | 2 | 3 | 4 | 5 |
| 01 | 1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ | VI.1 | 93.376.805.627 | 60.708.694.044 |
| 02 | 2. Các khoản giảm trừ doanh thu | | - | - |
| 10 | 3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ | | 93.376.805.627 | 60.708.694.044 |
| 11 | 4. Giá vốn hàng bán | VI.2 | 82.070.103.077 | 52.769.831.756 |
| 20 | 5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ | | 11.306.702.550 | 7.938.862.288 |
| 21 | 6. Doanh thu hoạt động tài chính | VI.3 | 6.714.527.576 | 5.359.730.811 |
| 22 | 7. Chi phí tài chính | VI.4 | 5.139.444.360 | 4.072.756.746 |
| 23 | - Trong đó: Chi phí lãi vay | | 4.705.687.573 | 3.975.843.888 |
| 25 | 8. Chi phí bán hàng | VI.5 | 7.185.867.611 | 3.980.962.116 |
| 26 | 9. Chi phí quản lý doanh nghiệp | VI.6 | 5.006.245.842 | 4.786.771.436 |
| 30 | 10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh | | 689.672.313 | 458.102.801 |
| 31 | 11. Thu nhập khác | VI.7 | 43.227.273 | 2.980.001 |
| 32 | 12. Chi phí khác | VI.8 | 192.101.855 | 170.722.553 |
| 40 | 13. Lợi nhuận khác | | (148.874.582) | (167.742.552) |
| 50 | 14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế | | 540.797.731 | 290.360.249 |
| 51 | 15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành | V.11 | - | 123.477.823 |
| 52 | 16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại | | - | - |
| 60 | 17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp | | 540.797.731 | 166.882.426 |
| 70 | 18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu | VI.9 | 61 | 19 |
| 71 | 19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu | VI.10 | 61 | 19 |

Người lập biểu

PHAN THANH THU

Kế toán trưởng

NGUYỄN THỊ THANH TÙNG

Gia Lai, ngày 27 tháng 03 năm 2023

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TỔNG GIÁM ĐỐC

CHÈ BIÊN HÒ

TRỊNH ĐÌNH TRƯỜNG

CÔNG TY CỔ PHẦN CHÈ BIÊN HÒ

Địa chỉ: Thôn 5, xã Nghĩa Hưng, huyện Chư Păh, tỉnh Gia Lai

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ

Cho năm tài kết thúc ngày 31/12/2022

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ*(Theo phương pháp trực tiếp)*

Cho năm tài kết thúc ngày 31/12/2022

ĐVT: VND

| Mã số | Chi tiêu | Thuyết minh | Năm nay | Năm trước |
|-------|--|-------------|-------------------------|-------------------------|
| 1 | 2 | 3 | 4 | 5 |
| | I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH | | | |
| 01 | 1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác | | 82.008.715.523 | 49.030.482.997 |
| 02 | 2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa, dịch vụ | | (46.802.698.994) | (55.410.448.496) |
| 03 | 3. Tiền chi trả cho người lao động | | (11.013.320.155) | (9.004.719.311) |
| 04 | 4. Tiền lãi vay đã trả | | (4.703.020.906) | (3.962.446.055) |
| 05 | 5. Tiền thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp | V.13 | - | - |
| 06 | 6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh | | 33.338.438.729 | 17.100.647.534 |
| 07 | 7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh | | (23.458.903.788) | (12.794.476.376) |
| 20 | Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh | | 29.369.210.409 | (15.040.959.707) |
| | II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ | | | |
| 21 | 1. Tiền chi để mua sắm TSCĐ, XD TSCĐ và các tài sản dài hạn khác | | (1.660.958.602) | - |
| 22 | 2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác | | - | - |
| 23 | 3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của các đơn vị khác | | (33.006.000.000) | - |
| 24 | 4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác | | 7.324.712.000 | 323.100.000 |
| 25 | 5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác | | - | - |
| 26 | 6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác | | - | - |
| 27 | 7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia | | 739.154.170 | 530.657.408 |
| 30 | Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư | | (26.603.092.432) | 853.757.408 |
| | III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH | | | |
| 33 | 1. Tiền thu từ đi vay | VII.1 | 107.924.658.430 | 86.529.622.591 |
| 34 | 2. Tiền trả nợ gốc vay | VII.2 | (109.702.247.331) | (74.769.191.407) |
| 36 | 3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu | | - | (549.000.000) |
| 40 | Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính | | (1.777.588.901) | 11.211.431.184 |
| 50 | Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50=20+30+40) | | 988.529.076 | (2.975.771.115) |
| 60 | Tiền và tương đương tiền đầu năm | | 1.211.073.516 | 4.186.997.426 |
| 61 | Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ | | 187.214 | (152.795) |
| 70 | Tiền và tương đương tiền cuối năm (70=50+60+61) | V.1 | 2.199.789.806 | 1.211.073.516 |

Người lập biểu

PHAN THANH THƯ

Kế toán trưởng

NGUYỄN THỊ THANH TÙNG

Gia Lai, ngày 27 tháng 03 năm 2023

Tổng Giám đốc

TRỊNH ĐÌNH TRƯỜNG



CÔNG TY CỔ PHẦN CHÈ BIỂN HỒ

Thôn 5, xã Nghĩa Hưng, huyện Chư Păh, tỉnh Gia Lai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

Thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và phải được đọc kèm với Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022.

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Chè Biển Hồ (sau đây gọi tắt là “Công ty”) là công ty cổ phần, được cổ phần hóa theo Quyết định số 144/QĐ-UBND ngày 09 tháng 04 năm 2018 của UBND tỉnh Gia lai từ Công ty TNHH Một thành viên Chè Biển Hồ. Công ty hoạt động sản xuất kinh doanh theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 5900188843 ngày 13 tháng 09 năm 2018 (được điều chỉnh lần thứ 3 của Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 5900188843 cấp ngày 07 tháng 12 năm 2012) do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Gia Lai cấp lần đầu ngày 31 tháng 12 năm 2010, Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan.

Cổ phiếu của Công ty đã được đăng ký giao dịch trên sàn UPCOM tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội theo Quyết định số 681/QĐ-SGDHN ngày 23 tháng 10 năm 2018.

Mã chứng khoán là BHG.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là thương mại và sản xuất nông nghiệp.

3. Ngành nghề kinh doanh

Ngành nghề kinh doanh của Công ty là:

- Bán buôn thực phẩm. Chi tiết: Mua bán xuất nhập khẩu chè, cà phê;
- Trồng cây cà phê;
- Sản xuất thực phẩm khác chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Chế biến chè, cà phê;
- Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Kinh doanh vật tư nông nghiệp, mua bán thuốc bảo vệ thực vật;...

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường đối với các hoạt động của Công ty thường kéo dài không quá 12 tháng.

5. Đặc điểm hoạt động của Công ty trong năm có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính

Do kinh tế phục hồi sau đại dịch và các tháng cuối năm 2022, giá cà phê đạt mức cao nhất trong nhiều năm qua. Giá cà phê tăng mạnh do nguồn cung cà phê trên thị trường quốc tế đang khan hiếm. Do đó, doanh thu năm nay tăng 54% và lợi nhuận kế toán trước thuế năm nay tăng 86% so với năm trước.

Tuy nhiên đa số khách hàng của Công ty ở Quốc gia/ khu vực bị ảnh hưởng bởi các lệnh cấm vận về kinh tế. Điều này đã gây ra khó khăn trong việc thanh toán quốc tế. Do đó, thời gian thu tiền bán chè xuất khẩu của Công ty dài hơn so với các năm trước.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHÈ BIỂN HỒ

Thôn 5, xã Nghĩa Hưng, huyện Chư Păh, Tỉnh Gia Lai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

6. Nhân viên

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, Công ty có 63 nhân viên đang làm việc (tại ngày 01 tháng 01 năm 2022 là 64 nhân viên).

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do việc thu, chi chủ yếu được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Theo đó, bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và các thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 được trình bày kèm theo và việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không có kỳ hạn.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHÈ BIÊN HÒ

Thôn 5, xã Nghĩa Hưng, huyện Chư Păh, Tỉnh Gia Lai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

3. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản cho vay

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản cho vay được lập căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

4. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

5. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường/chi phí quyền sử dụng đất, các chi phí trực tiếp và các chi phí chung có liên quan phát sinh trong quá trình đầu tư xây dựng thành phẩm bất động sản.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, nhân công trực tiếp, chi phí sử dụng máy thi công và chi phí chung.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHÈ BIÊN HỒ

Thôn 5, xã Nghĩa Hưng, huyện Chư Păh, Tỉnh Gia Lai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong năm sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Giá trị hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Đối với dịch vụ cung cấp dở dang, việc lập dự phòng giảm giá được tính theo từng loại dịch vụ có mức giá riêng biệt. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc kế toán được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

6. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán giữa và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty bao gồm các chi phí sau:

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 36 tháng.

Lợi thế kinh doanh

Lợi thế kinh doanh phát sinh sau khi cổ phần hóa được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ 10 năm.

7. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

| <u>Loại tài sản cố định</u> | <u>Số năm/Kỳ này</u> |
|---------------------------------|----------------------|
| Nhà cửa, vật kiến trúc | 5 – 25 |
| Máy móc, thiết bị | 5 – 12 |
| Phương tiện vận tải, truyền dẫn | 6 – 20 |
| Thiết bị dụng cụ quản lý | 4 – 5 |
| Vườn cây lâu năm | 20 |

CÔNG TY CỔ PHẦN CHÈ BIỂN HỒ

Thôn 5, xã Nghĩa Hưng, huyện Chư Păh, Tỉnh Gia Lai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

8. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

9. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

10. Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

Vốn khác của chủ sở hữu

Vốn khác được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh, đánh giá lại tài sản và giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản được tặng, biếu, tài trợ sau khi trừ các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản này.

11. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên hàng năm.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHÈ BIÊN HỒ

Thôn 5, xã Nghĩa Hưng, huyện Chư Păh, Tỉnh Gia Lai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

12. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại

Doanh thu bán lẻ, cà phê

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua.
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hoá, đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại sản phẩm, hàng hoá (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác).
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

13. Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán là tổng giá vốn của hàng hóa, thành phẩm và chi phí trực tiếp của khối lượng dịch vụ đã cung cấp, chi phí khác được tính vào giá vốn hoặc ghi giảm giá vốn hàng bán.

14. Chi phí tài chính

Chi phí tài chính là những chi phí liên quan đến hoạt động tài chính gồm các khoản chi phí hoặc lỗ liên quan đến hoạt động đầu tư tài chính và đi vay vốn, lỗ chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán và dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh.

15. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp là toàn bộ các chi phí phát sinh đến quá trình bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ và các chi phí quản lý chung của Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHÈ BIỂN HỒ

Thôn 5, xã Nghĩa Hưng, huyện Chư Păh, Tỉnh Gia Lai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

16. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập DN hiện hành và thuế thu nhập DN hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

- Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và
- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:
 - Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
 - Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

17. Báo cáo theo bộ phận

- Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHÈ BIỂN HỒ

Thôn 5, xã Nghĩa Hưng, huyện Chư Păh, Tỉnh Gia Lai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

18. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (đơn vị tính: VND)**1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

| | 31/12/2022 | | 01/01/2022 |
|--------------------|----------------------|----------|----------------------|
| | VND | | VND |
| Tiền mặt tại quỹ | 2.056.765.351 | | 973.888.131 |
| Tiền gửi ngân hàng | 143.024.455 | | 237.185.385 |
| + VND | 130.051.111 | | 226.539.658 |
| + USD | 554,24 # 12.973.344 | 470,01 # | 10.645.727 |
| Cộng | 2.199.789.806 | | 1.211.073.516 |

2. Phải thu khách hàng**a. Ngắn hạn**

| | Số cuối năm | Số đầu năm |
|--|-----------------------|-----------------------|
| Phải thu các bên liên quan | 14.584.240.900 | - |
| - Công ty Cổ Phần Đầu tư Legend Highland | 14.584.240.900 | - |
| Phải thu các khách hàng khác | 21.793.814.868 | 17.551.200.035 |
| - Fahim Bahar Ltd Jalalabad Afganistan (Nacem) | 8.949.894.423 | 1.414.520.813 |
| - Sarfaraz Kouchi Co, Ltd | 3.799.355.213 | 1.957.730.100 |
| - Shahdil Corporation | 3.779.745.826 | 477.747.390 |
| - Các hộ mua phân bón | 3.349.989.703 | 4.707.389.951 |
| - Công ty TNHH Chế biến trà Trân Nam Việt | 797.090.424 | 3.760.430.850 |
| - Lã Minh Tuấn | - | 5.037.915.000 |
| - Các đối tượng khác | 1.117.739.279 | 195.465.931 |
| Cộng | 36.378.055.768 | 17.551.200.035 |

3128
CHI
NG
TOÁN
UAI
TA
VÀ N
IU-

CÔNG TY CỔ PHẦN CHÈ BIÊN HÒ

Thôn 5, xã Nghĩa Hưng, huyện Chư Păh, Tỉnh Gia Lai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

b. Dài hạn

| | <u>Số cuối năm</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|-------------------------------------|--------------------|-----------------------|
| Phải thu các bên liên quan | - | 12.500.000.000 |
| - Công ty CP Cà phê Gia Lai | - | 12.500.000.000 |
| Phải thu các khách hàng khác | - | - |
| Cộng | - | 12.500.000.000 |

3. Trả trước cho người bán ngắn hạn

| | <u>Số cuối năm</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|--|--------------------|-----------------------|
| Trả trước cho các bên liên quan | - | 20.206.000.000 |
| - Công ty CP Cà phê Gia Lai | - | 20.206.000.000 |
| Trả trước cho người bán khác | 152.777.600 | - |
| - Công ty Cổ phần Trung Đông | 150.897.600 | - |
| - Công ty TNHH Thu Phí Tự Động Vetco | 1.880.000 | - |
| Cộng | 152.777.600 | 20.206.000.000 |

4. Phải thu về cho vay ngắn hạn**a. Ngắn hạn**

| | <u>Số cuối năm</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|---|-----------------------|-----------------------|
| Phải thu cho vay với các bên liên quan | 16.052.188.000 | 16.576.900.000 |
| - Công ty Cổ phần Cà phê Gia Lai | 16.052.188.000 | 16.576.900.000 |
| Phải thu cho vay với các đối tượng và cá nhân khác | - | - |
| Cộng | 16.052.188.000 | 16.576.900.000 |

Là khoản cho Công ty CP Cà phê Gia Lai vay theo các hợp đồng sau:

+ Hợp đồng vay vốn số 01/HĐVV/2020-BHG/FGL ngày 03/03/2020 và phụ lục hợp đồng số 01.2/PLHĐVV/2022-BHG/FGL ngày 03/04/2022. Số tiền vay: 1.400.000.000 đồng, thời hạn vay đến ngày 30/06/2023, lãi suất vay 10,5%/năm.

+ Hợp đồng vay vốn số 02/HĐVV/2020-BHG/FGL ngày 28/05/2020 và phụ lục hợp đồng số 02.2/PLHĐVV/2022-BHG/FGL ngày 28/04/2022. Số tiền vay: 700.000.000 đồng, thời hạn vay đến ngày 30/06/2023, lãi suất vay 10,5%/năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHÈ BIỂN HỒ

Thôn 5, xã Nghĩa Hưng, huyện Chư Păh, Tỉnh Gia Lai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

+ Hợp đồng vay vốn số 03/HĐVV/2020-BHG/FGL ngày 26/06/2020 và phụ lục hợp đồng số 03.2/PLHĐVV/2022-BHG/FGL ngày 26/04/2022. Số tiền vay: 300.000.000 đồng, thời hạn vay đến ngày 30/06/2023, lãi suất vay 10,5%/năm.

+ Hợp đồng vay vốn số 04/HĐVV/2020-BHG/FGL ngày 26/10/2020, phụ lục hợp đồng số 04.1/PLHĐVV/2020-BHG/FGL ngày 26/10/2021 và 04.2/PLHĐVV/2020-BHG/FGL ngày 26/10/2022. Số tiền vay: 900.000.000 đồng, thời hạn vay đến ngày 27/10/2023, lãi suất vay 10,5%/năm.

+ Hợp đồng vay vốn số 05/HĐVV/2020-BHG/FGL ngày 16/12/2020, phụ lục hợp đồng số 05.1/PLHĐVV/2020-BHG/FGL ngày 16/12/2021 và 05.2/PLHĐVV/2020-BHG/FGL ngày 16/12/2022. Số tiền vay: 13.600.000.000 đồng, thời hạn vay đến ngày 17/12/2023, lãi suất vay 10,5%/năm.

+ Hợp đồng vay vốn số 01/HĐVV/2022-BHG/FGL ngày 29/07/2022. Số tiền vay: 1.000.000.000 đồng, đã giải ngân 300.000.000 đồng tại ngày 29/07/2022, thời hạn vay đến ngày 29/06/2023, lãi suất vay 7%/năm.

b. Dài hạn

| | <u>Số cuối năm</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|---|------------------------------|-------------------|
| Phải thu cho vay với các bên liên quan | 26.206.000.000 | - |
| - Công ty Cổ phần Cà phê Gia Lai | 26.206.000.000 | - |
| Phải thu cho vay với các đối tượng và cá nhân khác | - | - |
| Cộng | <u>26.206.000.000</u> | <u>-</u> |

Là khoản cho Công ty CP Cà phê Gia Lai vay theo các hợp đồng sau:

+ Hợp đồng nguyên tắc số 01/HĐNT/2019-FGL/BHG ngày 25/03/2019 và phụ lục hợp đồng số 01/PLHĐ/2022-BHG/FGL ngày 01/07/2022. Số tiền vay: 12.500.000.000 đồng, thời hạn vay 5 năm kể từ ngày ký, lãi suất vay 10,5%/năm.

+ Hợp đồng nguyên tắc số 01/HĐNT/2018-FGL/BHG ngày 11/10/2018 và phụ lục hợp đồng số 02/PLHĐ/2022-BHG/FGL ngày 01/07/2022. Số tiền vay: 20.206.000.000 đồng, thời hạn vay 5 năm kể từ ngày ký, lãi suất vay 10,5%/năm.

(*) Tất cả các khoản cho Công ty CP Cà phê Gia Lai vay ngắn hạn và dài hạn đều không có tài sản thế chấp hoặc bảo lãnh của bên thứ ba. Tuy nhiên, Công ty CP Cà phê Gia Lai sử dụng các tài sản hiện có là các Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất để thế chấp cho khoản vay nợ của Công ty CP Chè Biển Hồ tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn – Chi nhánh Gia Lai.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHÈ BIÊN HỒ

Thôn 5, xã Nghĩa Hưng, huyện Chư Păh, Tỉnh Gia Lai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**5. Phải thu khác****a. Ngắn hạn**

| | Số cuối năm | | Số đầu năm | |
|---|-----------------------|----------|----------------------|----------|
| | Giá trị | Dự phòng | Giá trị | Dự phòng |
| Phải thu các bên liên quan | 14.286.325.233 | - | 9.121.596.733 | - |
| - Công ty CP Cà phê Gia Lai | | | | |
| Tiền lãi cho vay, lãi nhận tiền ứng trước | 14.286.325.233 | - | 9.078.475.133 | - |
| - Ông Trịnh Đình Trường | | | | |
| Các khoản khác | - | - | 43.121.600 | - |
| Phải thu các tổ chức và cá nhân khác | 589.110.320 | - | 316.989.229 | - |
| Phải thu các hộ trồng chè, trồng cà phê | 578.765.080 | - | 311.989.229 | - |
| Tạm ứng CBCNV | 10.000.000 | - | 5.000.000 | - |
| Phải thu khác | 345.240 | - | - | - |
| Cộng | 14.875.435.553 | - | 9.438.585.962 | - |

b. Dài hạn

| | Số cuối năm | | Số đầu năm | |
|-----------------------------------|-------------------|----------|-------------------|----------|
| | Giá trị | Dự phòng | Giá trị | Dự phòng |
| Phải thu các hộ trồng chè, cà phê | 16.420.347 | - | 16.420.347 | - |
| Cộng | 16.420.347 | - | 16.420.347 | - |

6. Hàng tồn kho

| | Số cuối năm | | Số đầu năm | |
|-----------------------|-----------------------|----------|-----------------------|----------|
| | Giá gốc | Dự phòng | Giá gốc | Dự phòng |
| Nguyên liệu, vật liệu | 182.594.392 | - | 225.359.795 | - |
| Công cụ, dụng cụ | 455.449.940 | - | 790.128.714 | - |
| Chi phí SXKD dở dang | - | - | 10.464.814.492 | - |
| Thành phẩm (*) | 19.079.388.801 | - | 20.090.308.906 | - |
| Hàng gửi đi bán | 558.922.100 | - | 676.174 | - |
| Cộng | 20.276.355.233 | - | 31.571.288.081 | - |

- Không có hàng tồn kho kém phẩm chất, ứ đọng tại ngày 31 tháng 12 năm 2022.
- Không có hàng tồn kho thế chấp, cầm cố các khoản vay tại ngày 31 tháng 12 năm 2022.
- (*) là giá trị chè đã qua chế biến tại ngày 31 tháng 12 năm 2022.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHÈ BIỂN HỒ

Thôn 5, xã Nghĩa Hưng, huyện Chư Păh, Tỉnh Gia Lai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**7. Chi phí trả trước****a. Ngắn hạn**

| | <u>Số cuối năm</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|-----------------------------|--------------------------|--------------------------|
| Chi phí bảo hiểm | 82.181.145 | 80.813.134 |
| Công cụ dụng cụ chờ phân bổ | 14.321.252 | 1.224.998 |
| Cộng | <u>96.502.397</u> | <u>82.038.132</u> |

Tình hình biến động chi phí trả trước ngắn hạn

| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|-----------------------|--------------------------|--------------------------|
| Số dư đầu năm | 82.038.132 | 55.329.162 |
| Tăng trong năm | 171.126.399 | 161.326.564 |
| Phân bổ trong năm | (156.662.134) | (134.617.594) |
| Số dư cuối năm | <u>96.502.397</u> | <u>82.038.132</u> |

b. Dài hạn

| | <u>Số cuối năm</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|---------------------------------|-----------------------------|-----------------------------|
| Lợi thế kinh doanh | 2.179.369.876 | 2.558.390.716 |
| Công cụ dụng cụ chờ phân bổ | 96.095.842 | 45.596.452 |
| Hệ thống Quản lý chất lượng ISO | 48.611.111 | - |
| Chi phí sửa chữa TSCĐ | 37.880.649 | 314.841.772 |
| Nhà để xe | 8.615.120 | 15.076.448 |
| Cộng | <u>2.370.572.598</u> | <u>2.933.905.388</u> |

Tình hình biến động chi phí trả trước dài hạn

| | <u>Số cuối năm</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|-----------------------|-----------------------------|-----------------------------|
| Số dư đầu năm | 2.933.905.388 | 4.004.101.140 |
| Tăng trong năm | 211.370.027 | 68.136.728 |
| Phân bổ trong năm | (774.702.817) | (1.138.332.480) |
| Số dư cuối năm | <u>2.370.572.598</u> | <u>2.933.905.388</u> |

CÔNG TY CỔ PHẦN CHÈ BIỂN HỒ

Thôn 5, xã Nghĩa Hưng, huyện Chư Păh, Tỉnh Gia Lai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**8. Tài sản cố định hữu hình**

| | Nhà cửa, vật kiến trúc | Máy móc, thiết bị | P.tiện vận tải truyền dẫn | Thiết bị, dụng cụ quản lý | Vườn cây lâu năm | Tổng cộng |
|---|------------------------|----------------------|---------------------------|---------------------------|-----------------------|------------------------|
| Nguyên giá | | | | | | |
| Số đầu năm | 42.052.664.534 | 7.071.326.815 | 1.461.110.574 | 68.497.454 | 97.716.104.202 | 148.369.703.579 |
| Mua sắm trong năm | - | - | 454.545.454 | - | - | 454.545.454 |
| Đ/tư XDCB h/thành | 90.710.424 | - | - | - | - | 90.710.424 |
| T/lý, nhượng bán | (37.797.024) | - | (601.072.000) | - | - | (638.869.024) |
| Giảm do phá dỡ TSCĐ | - | - | - | - | (630.722.421) | (630.722.421) |
| Số cuối năm | 42.105.577.934 | 7.071.326.815 | 1.314.584.028 | 68.497.454 | 97.085.381.781 | 147.645.368.012 |
| <i>Trong đó:</i> | | | | | | |
| - Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng | 743.242.721 | 2.281.164.508 | 744.021.000 | 68.497.454 | 2.231.329.319 | 6.068.255.002 |
| - Chờ thanh lý | - | - | - | - | - | - |
| Giá trị hao mòn | | | | | | |
| Số đầu năm | 31.818.843.412 | 5.292.738.515 | 1.163.625.299 | 68.497.454 | 58.896.386.572 | 97.240.091.252 |
| Khấu hao trong năm | 1.079.179.861 | 634.563.723 | 91.249.096 | - | 4.701.306.864 | 6.506.299.544 |
| T/lý, nhượng bán | (34.672.464) | - | (601.072.000) | - | - | (635.744.464) |
| Giảm do phá dỡ TSCĐ | - | - | - | - | (612.851.957) | (612.851.957) |
| Số cuối năm | 32.863.350.809 | 5.927.302.238 | 653.802.395 | 68.497.454 | 62.984.841.479 | 102.497.794.375 |
| Giá trị còn lại | | | | | | |
| Số đầu năm | 10.233.821.122 | 1.778.588.300 | 297.485.275 | - | 38.819.717.630 | 51.129.612.327 |
| Số cuối năm | 9.242.227.125 | 1.144.024.577 | 660.781.633 | - | 34.100.540.302 | 45.147.573.637 |

Một số tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại theo sổ sách là 17.830.359.603 đồng đã được thế chấp, cầm cố để đảm bảo cho các khoản vay tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn – Chi nhánh tỉnh Gia Lai (Xem tại Thuyết minh số V.17).

9. Tài sản cố định vô hình

| | Phần mềm máy tính | Tổng cộng |
|------------------------|-------------------|-------------------|
| Nguyên giá | | |
| Số đầu năm | 66.172.500 | 66.172.500 |
| Tặng trong năm | - | - |
| Thanh lý, nhượng bán | - | - |
| Số cuối năm | 66.172.500 | 66.172.500 |
| Giá trị hao mòn | | |
| Số đầu năm | 51.467.500 | 51.467.500 |
| Khấu hao trong năm | 14.705.000 | 14.705.000 |
| Thanh lý, nhượng bán | - | - |
| Số cuối năm | 66.172.500 | 66.172.500 |
| Giá trị còn lại | | |
| Số đầu năm | 14.705.000 | 14.705.000 |
| Số cuối năm | - | - |

CÔNG TY CỔ PHẦN CHÈ BIỂN HỒ

Thôn 5, xã Nghĩa Hưng, huyện Chư Păh, Tỉnh Gia Lai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

*Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)***10. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

| | Số đầu năm | Chi phí phát sinh trong năm | Kết chuyển tăng TSCĐ | Kết chuyển giảm khác | Số cuối năm |
|----------------------------------|------------|-----------------------------|----------------------|----------------------|----------------------|
| Xây dựng cơ bản dở dang | - | 1.146.877.212 | - | - | 1.146.877.212 |
| - Chi phí đầu tư cà phê tái canh | - | 1.146.877.212 | - | - | 1.146.877.212 |
| Cộng | - | 1.146.877.212 | - | - | 1.146.877.212 |

11. Phải trả người bán

| | Số cuối năm | Số đầu năm |
|--|----------------------|----------------------|
| Phải trả các bên liên quan | 150.880.000 | - |
| - Công ty Cổ Phần Đầu tư Legend Highland | 150.880.000 | - |
| Phải trả các người bán khác | 4.031.737.830 | 1.204.155.800 |
| - Các hộ bán chè xanh | 1.869.147.400 | - |
| - Công Ty TNHH Thương mại & Dịch vụ Indigo | 914.121.410 | - |
| - Các hộ bán cà phê | 745.606.100 | 356.182.100 |
| - Huỳnh Thị Mừng | 254.510.500 | 143.937.500 |
| - Công ty TNHH Xây dựng cơ điện Quốc Thanh | - | 300.000.000 |
| - Nguyễn Văn Bình | - | 241.616.200 |
| - Các đối tượng khác | 248.352.420 | 162.420.000 |
| Cộng | 4.182.617.830 | 1.204.155.800 |

12. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

| | Số cuối năm | Số đầu năm |
|---|--------------------|------------|
| Trả trước của các bên liên quan | - | - |
| Trả trước của các khách hàng khác | 400.000.000 | - |
| - Công ty TNHH MTV Sơn Huyền Phát Gia Lai | 400.000.000 | - |
| - Các đối tượng khác | - | - |
| Cộng | 400.000.000 | - |

CÔNG TY CỔ PHẦN CHÈ BIÊN HỒ

Thôn 5, xã Nghĩa Hưng, huyện Chư Păh, Tỉnh Gia Lai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**13. Thuế và các khoản phải nộp/ phải thu Nhà nước**

| | Số đầu năm | | Số phát sinh trong năm | | Số cuối năm | |
|--|--------------------|--------------------|------------------------|----------------------|----------------------|--------------------|
| | Phải nộp | Phải thu | Số phải nộp | Số đã nộp | Phải nộp | Phải thu |
| Thuế GTGT phải nộp | 139.062.936 | - | 281.631.218 | 349.033.635 | 71.660.519 | - |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp | - | 91.545.536 | - | - | - | 91.545.536 |
| Thuế thu nhập cá nhân | - | 32.390.737 | 93.870.000 | 70.034.987 | - | 8.555.724 |
| Thuế nhà đất | - | 29.511.936 | - | - | - | 29.511.936 |
| Tiền thuê đất | - | 18.000.000 | 2.901.683.246 | 1.507.179.376 | 1.376.503.870 | - |
| Các loại thuế khác | - | - | - | - | - | - |
| Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác | - | 131.510 | 10.000.000 | 10.000.000 | - | 131.510 |
| Cộng | 139.062.936 | 171.579.719 | 3.287.184.464 | 1.936.247.998 | 1.448.164.389 | 129.744.706 |

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Các mặt hàng nông sản Công ty tự sản xuất thuộc đối tượng không chịu thuế GTGT. Các mặt hàng khác áp dụng theo thuế suất hiện hành.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các hoạt động sau:

- Đối với thu nhập từ trồng trọt (bao gồm cả sản phẩm rừng trồng), chế biến nông sản (bao gồm cả trường hợp hợp tác xã, doanh nghiệp mua bán sản phẩm nông sản, thủy sản về chế biến) được miễn thuế. Ưu đãi miễn thuế TNDN đối với hoạt động nêu trên được quy định tại điểm 1 điều 8 VBHN số 26 ngày 14/09/2015 của Bộ Tài chính.
- Đối với hoạt động kinh doanh khác: Áp dụng thuế suất thuế TNDN là 20%.

Các loại thuế khác

- Công ty kê khai và nộp theo quy định.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHÈ BIÊN HỒ

Thôn 5, xã Nghĩa Hưng, huyện Chư Păh, Tỉnh Gia Lai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm được xác định như sau:

| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|---|-----------------|--------------------|
| Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế | 540.797.731 | 290.360.249 |
| - Hoạt động kinh doanh chính được ưu đãi thuế | 4.134.372.491 | 3.187.635.119 |
| - Hoạt động kinh doanh chính không được ưu đãi thuế | (4.686.016.875) | (4.028.087.458) |
| - Hoạt động kinh doanh khác | 1.092.442.115 | 1.130.812.588 |
| Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán | 639.234.596 | 498.557.958 |
| - Các khoản điều chỉnh tăng | 639.234.596 | 498.557.958 |
| + Chi phí không hợp lý | 253.126.972 | 486.001.678 |
| + Lỗi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện | 386.107.624 | 12.556.280 |
| - Các khoản điều chỉnh giảm | - | - |
| Thu nhập chịu thuế | 1.180.032.327 | 788.918.207 |
| - Hoạt động kinh doanh chính được ưu đãi thuế | 4.649.010.177 | 3.411.452.140 |
| - Hoạt động kinh doanh chính không được ưu đãi thuế | (4.582.461.789) | (3.898.414.199) |
| - Hoạt động kinh doanh khác | 1.113.483.939 | 1.275.880.266 |
| Thu nhập được miễn thuế | 4.649.010.177 | 3.411.452.140 |
| Lỗi các năm trước được chuyển | - | - |
| Thu nhập tính thuế | - | 788.918.207 |
| Chi phí thuế TNDN hiện hành phát sinh trong kỳ | - | 157.783.641 |
| Thuế TNDN được giảm 30% theo NĐ 92/2021/NĐ-CP | - | 47.335.092 |
| Chi phí thuế TNDN truy thu kỳ trước | - | 13.029.274 |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp | - | 123.477.823 |

14. Phải trả người lao động

| | <u>Số cuối năm</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|------------------------------------|--------------------|--------------------|
| Tiền lương phải trả người lao động | 943.520.423 | 383.884.474 |
| Cộng | 943.520.423 | 383.884.474 |

15. Chi phí phải trả ngắn hạn

| | <u>Số cuối năm</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|---|--------------------|--------------------|
| Trích trước chi phí vận chuyển hàng hóa xuất khẩu | - | 189.539.280 |
| Cộng | - | 189.539.280 |

CÔNG TY CỔ PHẦN CHÈ BIÊN HÒ

Thôn 5, xã Nghĩa Hưng, huyện Chư Păh, Tỉnh Gia Lai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**16. Phải trả khác****a. Ngắn hạn**

| | <u>Số cuối năm</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|--|-----------------------------|-----------------------------|
| <i>Phải trả các bên liên quan</i> | - | - |
| <i>Phải trả các đối tượng và cá nhân khác</i> | 1.969.590.117 | 4.283.788.374 |
| Kinh phí công đoàn | - | - |
| Quỹ khen thưởng (*) | 1.088.088.381 | 1.088.088.381 |
| Lãi vay phải trả (**) | 571.032.489 | 568.365.822 |
| Các khoản phải trả khác | 310.469.247 | 2.627.334.171 |
| - Phải trả người dân về tiền chăm sóc cà phê theo các hợp đồng trồng cà phê liên kết | - | 2.386.020.299 |
| - Phải trả người dân về tiền thuê đất được giảm | 310.469.247 | 233.288.677 |
| - Hỗ trợ người lao động trích từ 0,5% BHTNLD, BNN giữ | - | 8.025.195 |
| Cộng | <u>1.969.590.117</u> | <u>4.283.788.374</u> |

(*) Theo quy định tại khoản 3 điều 8 Thông tư 41/2018/TT-BTC ngày 04/05/2018 của Bộ Tài Chính:

“Quỹ khen thưởng, quỹ phúc lợi phát sinh từ thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp đến thời điểm doanh nghiệp cổ phần hóa được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp cổ phần lần đầu, doanh nghiệp cổ phần hóa thực hiện quản lý và chi theo đúng quy định. Số dư còn lại (nếu có) công ty cổ phần mới kế thừa và tiếp tục sử dụng.”

(**) Trong đó gồm 568.365.822 đồng là chi phí lãi vay phải trả Liên Hiệp Chè Việt Nam theo chương trình hợp tác đầu tư Liên Xô – Ba Lan từ giai đoạn Nhà nước. Theo Quyết định số 738/QĐ-UBND ngày 23/12/2020 thì số tiền nợ phải trả (cả gốc và lãi vay) nếu được xóa nợ phải nộp vào Ngân sách Nhà nước.

b. Dài hạn

| | <u>Số cuối năm</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|------------------------------------|-----------------------------|-----------------------------|
| <i>Phải trả các bên liên quan</i> | - | - |
| <i>Phải trả các đối tượng khác</i> | 1.442.671.834 | 1.304.358.209 |
| Nhận ký cược, ký quỹ dài hạn | 1.322.881.834 | 1.304.358.209 |
| Các hộ nhận khoán cà phê | 119.790.000 | - |
| Cộng | <u>1.442.671.834</u> | <u>1.304.358.209</u> |

CÔNG TY CỔ PHẦN CHÈ BIÊN HÒ

Thôn 5, xã Nghĩa Hưng, huyện Chư Păh, Tỉnh Gia Lai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**17. Vay và nợ thuê tài chính****a. Ngắn hạn**

| | Số cuối năm | | Số đầu năm | |
|---|-----------------------|-----------------------|-----------------------|-----------------------|
| | Giá trị | Số có khả năng trả nợ | Giá trị | Số có khả năng trả nợ |
| Vay ngắn hạn của các cá nhân | - | - | 2.520.000.000 | 2.520.000.000 |
| - Ông Phùng Ngọc Kim | - | - | 900.000.000 | 900.000.000 |
| - Bà Lê Văn Anh | - | - | 820.000.000 | 820.000.000 |
| - Bà Nguyễn Thị Thanh Tùng | - | - | 500.000.000 | 500.000.000 |
| - Ông Nguyễn Quang Cường | - | - | 300.000.000 | 300.000.000 |
| Vay ngắn hạn ngân hàng (*) | 59.964.811.446 | 59.964.811.446 | 59.222.400.347 | 59.222.400.347 |
| - Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn - Chi nhánh Gia Lai | 59.964.811.446 | 59.964.811.446 | 59.222.400.347 | 59.222.400.347 |
| Cộng | 59.964.811.446 | 59.964.811.446 | 61.742.400.347 | 61.742.400.347 |

(*) Vay ngắn hạn Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn – Chi nhánh tỉnh Gia Lai theo hợp đồng tín dụng Số 03/HĐTĐ-BH ngày 22 tháng 10 năm 2021. Hạn mức tín dụng là 60.000.000.000 đồng; mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh niên vụ 2021-2022; thời hạn vay và lãi suất vay được quy định cụ thể trên từng giấy nhận nợ. Lãi suất cho vay hiện tại đối với khoản giải ngân có kỳ hạn từ 6 tháng đến dưới 9 tháng là 5%/năm, đối với khoản giải ngân có kỳ hạn 9 tháng đến dưới 12 tháng là 6%/năm; lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn.

Biện pháp đảm bảo tiền vay (Xem thuyết minh số V.8):

- + Thế chấp tài sản vườn cây chè tại xã Nghĩa Hưng, huyện Chư Păh, tỉnh Gia Lai theo Hợp đồng thế chấp tài sản gắn liền với đất số 03/HĐTC-BH ngày 22/10/2021;
- + Thế chấp tài sản trụ sở công ty và nhà máy chế biến tại xã Nghĩa Hưng, huyện Chư Păh, tỉnh Gia Lai theo Hợp đồng thế chấp tài sản gắn liền với đất số 04/HĐTC-BH ngày 22/10/2021.
- + Thế chấp các Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất của Công ty CP Cà phê Gia Lai gồm:

| TT | Tài sản | Địa chỉ | Mục đích |
|----|--|--|------------------------------------|
| 1 | Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DA 517854 | Tổ dân phố 2, Phường Thống Nhất, TP Pleiku, Tỉnh Gia Lai | Đất thương mại dịch vụ |
| 2 | Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DA 517909 | Xã IaYok, Huyện Ia Grai, Tỉnh Gia Lai | Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp |
| 3 | Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DA 517851 | Xã IaYok, Huyện Ia Grai, Tỉnh Gia Lai | Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp |
| 4 | Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DA 517834 | Xã Ia Bă, Huyện Ia Grai, Tỉnh Gia Lai | Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp |

CÔNG TY CỔ PHẦN CHÈ BIÊN HỒ

Thôn 5, xã Nghĩa Hưng, huyện Chư Păh, Tỉnh Gia Lai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

| | | | |
|---|--|--|------------------------------------|
| 5 | Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DA 517905 | Xã Ia Bă, Huyện Ia Grai, Tỉnh Gia Lai | Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp |
| 6 | Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DA 517906 | Xã Ia Grăng, Huyện Ia Grai, Tỉnh Gia Lai | Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp |
| 7 | Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DA 517901 | Xã Ia Pal, Huyện Chư Sê, Tỉnh Gia Lai | Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp |
| 8 | Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DA 517902 | Xã Ia Pal, Huyện Chư Sê, Tỉnh Gia Lai | Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp |
| 9 | Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DA 517817 | Xã Ia Pal, Huyện Chư Sê, Tỉnh Gia Lai | Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp |

b. Dài hạn

| | Số cuối năm | | Số đầu năm | |
|--------------------------|--------------------|-----------------------|--------------------|-----------------------|
| | Giá trị | Số có khả năng trả nợ | Giá trị | Số có khả năng trả nợ |
| Vay dài hạn | 789.396.390 | 789.396.390 | 789.396.390 | 789.396.390 |
| - Liên hiệp Chè Việt Nam | 789.396.390 | 789.396.390 | 789.396.390 | 789.396.390 |
| Cộng | 789.396.390 | 789.396.390 | 789.396.390 | 789.396.390 |

Khoản vay dài hạn theo chương trình hợp tác đầu tư Liên Xô - Ba Lan giữa Tổng công ty Chè Việt Nam và Công ty TNHH MTV Chè Biên Hồ theo hợp đồng số 25 ND 24 CVN-BH ngày 01 tháng 04 năm 1989.

18. Vốn chủ sở hữu**a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

| | Vốn góp của chủ sở hữu | Chênh lệch TG hối đoái | Lợi nhuận ST chưa phân phối | Cộng |
|-----------------------------|------------------------|------------------------|-----------------------------|-----------------------|
| Số dư tại 01/01/2021 | 89.356.430.000 | - | 3.654.242.932 | 93.010.672.932 |
| Lợi nhuận trong năm | - | - | 166.882.426 | 166.882.426 |
| Tăng trong năm | - | 18.889.456 | - | 18.889.456 |
| Giảm trong năm | - | (18.889.456) | (630.936.215) | (649.825.671) |
| Số dư tại 31/12/2021 | 89.356.430.000 | - | 3.190.189.143 | 92.546.619.143 |
| Số dư tại 01/01/2022 | 89.356.430.000 | - | 3.190.189.143 | 92.546.619.143 |
| Lợi nhuận trong năm | - | - | 540.797.731 | 540.797.731 |
| Tăng trong năm | - | 386.107.624 | - | 386.107.624 |
| Giảm trong năm | - | (386.107.624) | - | (386.107.624) |
| Số dư tại 31/12/2022 | 89.356.430.000 | - | 3.730.986.874 | 93.087.416.874 |

CÔNG TY CỔ PHẦN CHÈ BIỂN HỒ

Thôn 5, xã Nghĩa Hưng, huyện Chư Păh, Tỉnh Gia Lai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu**

| | Tỷ lệ vốn góp (%) | 31/12/2022 | Tỷ lệ vốn góp (%) | 01/01/2022 |
|--|----------------------|-----------------------|----------------------|-----------------------|
| - Cổ đông Nhà nước | 0,00% | - | 0,00% | - |
| - Cổ đông khác | 100,00% | 89.356.430.000 | 100,00% | 89.356.430.000 |
| + Công ty Cổ phần Đầu tư Legend Highland | 24,00% | 21.450.000.000 | 24,00% | 21.450.000.000 |
| + Công ty Cổ phần Năng lượng Nghĩa Hưng | 23,50% | 21.000.000.000 | 23,50% | 21.000.000.000 |
| + Trịnh Quang Hưng | 13,85% | 12.373.980.000 | 13,85% | 12.373.980.000 |
| + Trịnh Đình Trường | 15,47% | 13.819.320.000 | 15,47% | 13.819.320.000 |
| + Trịnh Quang Vinh | 8,01% | 7.153.420.000 | 8,01% | 7.153.420.000 |
| + Lê Thị Thanh Tình | 6,71% | 6.000.000.000 | 6,71% | 6.000.000.000 |
| + Các cổ đông khác | 8,46% | 7.559.710.000 | 8,46% | 7.559.710.000 |
| Cộng | 100% | 89.356.430.000 | 100% | 89.356.430.000 |

c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

| | Năm nay | Năm trước |
|-----------------------------|----------------|----------------|
| - Vốn đầu tư của chủ sở hữu | | |
| + Vốn góp đầu năm | 89.356.430.000 | 89.356.430.000 |
| + Vốn góp tăng trong năm | - | - |
| + Vốn góp giảm trong năm | - | - |
| + Vốn góp cuối năm | 89.356.430.000 | 89.356.430.000 |
| - Cổ tức, lợi nhuận đã chia | - | 549.000.000 |

d. Cổ phiếu

| | Năm nay | Năm trước |
|---|-----------|-----------|
| Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành | 8.935.643 | 8.935.643 |
| Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng | 8.935.643 | 8.935.643 |
| - Cổ phiếu thường | 8.935.643 | 8.935.643 |
| - Cổ phiếu ưu đãi | - | - |
| Số lượng cổ phiếu được mua lại | - | - |
| - Cổ phiếu thường | - | - |
| - Cổ phiếu ưu đãi | - | - |
| Số lượng cổ phiếu đang lưu hành | 8.935.643 | 8.935.643 |
| - Cổ phiếu thường | 8.935.643 | 8.935.643 |
| - Cổ phiếu ưu đãi | - | - |
| Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (đồng/cổ phiếu) | 10.000 | 10.000 |

CÔNG TY CỔ PHẦN CHÈ BIÊN HÒ

Thôn 5, xã Nghĩa Hưng, huyện Chư Păh, Tỉnh Gia Lai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**e. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối**

| | Năm nay | Năm trước |
|--|----------------------|----------------------|
| Lợi nhuận chưa phân phối đầu năm | 3.190.189.143 | 3.654.242.932 |
| Lợi nhuận sau thuế Thu nhập doanh nghiệp năm này | 540.797.731 | 166.882.426 |
| Phân phối lợi nhuận năm trước | - | 630.936.215 |
| - Quỹ khen thưởng phúc lợi | - | 81.936.215 |
| - Chia cổ tức cho các cổ đông | - | 549.000.000 |
| Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối | 3.730.986.874 | 3.190.189.143 |

19. Khoản mục ngoài Bảng Cân đối kế toán**Ngoại tệ**

| | Số cuối năm | Số đầu năm |
|----------------|-------------|------------|
| Dolla Mỹ (USD) | 554,24 | 470,01 |

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (đơn vị tính: VNĐ)**1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

| | Năm nay | Năm trước |
|---|-----------------------|-----------------------|
| Doanh thu với các bên liên quan | 16.207.240.900 | - |
| Doanh thu bán thành phẩm cà phê | 16.207.240.900 | - |
| Doanh thu khác | - | - |
| Doanh thu với các đối tượng khác | 77.169.564.727 | 60.708.694.044 |
| Doanh thu bán vật tư nông nghiệp | 5.374.130.461 | 6.395.013.932 |
| Doanh thu bán thành phẩm chè, cà phê, chuối | 70.475.093.161 | 52.726.180.857 |
| Doanh thu cung cấp dịch vụ tưới tiêu | 515.448.442 | 775.128.341 |
| Doanh thu cho thuê đất | 687.272.727 | 687.272.727 |
| Doanh thu khác | 117.619.936 | 125.098.187 |
| Các khoản giảm trừ doanh thu | - | - |
| Cộng | 93.376.805.627 | 60.708.694.044 |

CÔNG TY CỔ PHẦN CHÈ BIỂN HỒ

Thôn 5, xã Nghĩa Hưng, huyện Chư Păh, Tỉnh Gia Lai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**2. Giá vốn hàng bán**

| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|---------------------------------------|------------------------------|------------------------------|
| Giá vốn vật tư nông nghiệp | 4.843.579.812 | 5.198.598.424 |
| Giá vốn thành phẩm chè, cà phê, chuối | 76.451.549.337 | 46.460.967.305 |
| Giá vốn dịch vụ tưới tiêu | 611.959.537 | 961.101.194 |
| Giá vốn cho thuê đất | 45.424.500 | 45.424.500 |
| Giá vốn hoạt động khác | 117.589.891 | 120.552.733 |
| Hoàn nhập dự phòng giảm giá HTK | - | (16.812.400) |
| Cộng | <u>82.070.103.077</u> | <u>52.769.831.756</u> |

3. Doanh thu hoạt động tài chính

| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|--|-----------------------------|-----------------------------|
| Lãi tiền gửi, tiền cho vay | 5.947.004.270 | 5.286.955.308 |
| Lãi chênh lệch tỷ giá trong thanh toán | 767.523.306 | 72.775.503 |
| Cộng | <u>6.714.527.576</u> | <u>5.359.730.811</u> |

4. Chi phí tài chính

| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|--|-----------------------------|-----------------------------|
| Chi phí lãi vay | 4.705.687.573 | 3.975.843.888 |
| Lỗ chênh lệch tỷ giá trong thanh toán | 47.649.163 | 84.356.578 |
| Lỗ chênh lệch tỷ giá đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối kỳ | 386.107.624 | 12.556.280 |
| Cộng | <u>5.139.444.360</u> | <u>4.072.756.746</u> |

5. Chi phí bán hàng

| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|---------------------------|-----------------------------|-----------------------------|
| Chi phí vật liệu, bao bì | 742.651.515 | 419.126.441 |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài | 6.443.216.096 | 3.561.835.675 |
| Cộng | <u>7.185.867.611</u> | <u>3.980.962.116</u> |

CÔNG TY CỔ PHẦN CHÈ BIỂN HỒ

Thôn 5, xã Nghĩa Hưng, huyện Chư Păh, Tỉnh Gia Lai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**6. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|---|-----------------------------|-----------------------------|
| Chi phí vật liệu quản lý, đồ dùng văn phòng | 195.572.752 | 206.462.980 |
| Chi phí nhân viên quản lý | 3.271.991.171 | 3.013.323.756 |
| Chi phí khấu hao tài sản cố định | 213.024.067 | 197.137.896 |
| Thuế, phí và lệ phí | 129.885.376 | 93.135.200 |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài | 308.726.249 | 262.614.754 |
| Chi phí bằng tiền khác | 887.046.227 | 1.014.096.850 |
| Cộng | <u>5.006.245.842</u> | <u>4.786.771.436</u> |

7. Thu nhập khác

| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|-------------------------|--------------------------|-------------------------|
| Tiền hỗ trợ | 20.000.000 | - |
| Thu từ thanh lý TSCĐ | 22.727.273 | - |
| Các khoản thu nhập khác | 500.000 | 2.980.001 |
| Cộng | <u>43.227.273</u> | <u>2.980.001</u> |

8. Chi phí khác

| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|---------------------------------|---------------------------|---------------------------|
| Tiền bồi thường cho khách hàng | 171.060.031 | - |
| GTCL của vườn cây bị phá dỡ | 20.995.024 | 25.654.875 |
| Tiền phạt vi phạm hành chính | - | 109.366.464 |
| Chi phí hàng tồn kho bị hư hỏng | - | 15.678.671 |
| Các khoản khác | 46.800 | 20.022.543 |
| Cộng | <u>192.101.855</u> | <u>170.722.553</u> |

9. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|---|------------------|------------------|
| Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp | 540.797.731 | 166.882.426 |
| Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ | - | - |
| - Điều chỉnh tăng | - | - |
| - Điều chỉnh giảm (trích quỹ khen thưởng phúc lợi) | - | - |
| LN hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu CP phổ thông | 540.797.731 | 166.882.426 |
| Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ (cổ phiếu) | 8.935.643 | 8.935.643 |
| Lãi cơ bản trên cổ phiếu (đồng /cổ phiếu) | <u>61</u> | <u>19</u> |

CÔNG TY CỔ PHẦN CHÈ BIỂN HỒ

Thôn 5, xã Nghĩa Hưng, huyện Chư Păh, Tỉnh Gia Lai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

*Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)***10. Lãi suy giảm trên cổ phiếu**

| | Năm nay | Năm trước |
|--|-------------|-------------|
| Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông dùng tính lãi cơ bản trên cổ phiếu | 540.797.731 | 166.882.426 |
| Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận sau thuế | - | - |
| Lợi nhuận để tính lãi suy giảm trên cổ phiếu | 540.797.731 | 166.882.426 |
| Số lượng cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong kỳ | 8.935.643 | 8.935.643 |
| Lãi suy giảm trên cổ phiếu | 61 | 19 |

11. Cổ phiếu lưu hành bình quân

| | Năm nay | Năm trước |
|--|------------------|------------------|
| Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành đầu năm | 8.935.643 | 8.935.643 |
| Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông mua lại | - | - |
| Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông phát hành | - | - |
| Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong năm | 8.935.643 | 8.935.643 |

12. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

| | Năm nay | Năm trước |
|----------------------------------|-----------------------|-----------------------|
| Chi phí nguyên liệu, vật liệu | 35.372.781.171 | 33.054.439.297 |
| Chi phí nhân công | 11.559.082.099 | 13.469.929.136 |
| Chi phí khấu hao tài sản cố định | 6.489.830.056 | 6.691.803.467 |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài | 8.285.384.893 | 4.874.965.734 |
| Chi phí khác bằng tiền | 3.308.320.783 | 4.911.400.542 |
| Cộng | 65.015.399.002 | 63.002.538.176 |

THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (đơn vị tính: VNĐ)**1. Tiền thu từ đi vay**

| | Năm nay | Năm trước |
|---|------------------------|-----------------------|
| Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường | 107.924.658.430 | 86.529.622.591 |
| Cộng | 107.924.658.430 | 86.529.622.591 |

CÔNG TY CỔ PHẦN CHÈ BIÊN HỒ

Thôn 5, xã Nghĩa Hưng, huyện Chư Păh, Tỉnh Gia Lai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**2. Tiền trả nợ gốc vay**

| | Năm nay | Năm trước |
|---|--------------------------|-------------------------|
| Tiền chi các khoản đi vay theo khế ước thông thường | (109.702.247.331) | (74.769.191.407) |
| Cộng | (109.702.247.331) | (74.769.191.407) |

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**1. Giao dịch và số dư với các bên liên quan**

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

a. Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và Ban kiểm soát. Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

| STT | Thành viên Ban lãnh đạo | Chức danh | Năm 2022 | | | |
|-----|-------------------------|------------------------------------|--------------------|--------------------|----------|----------------------|
| | | | Lương, thưởng | Thù lao | Cổ tức | Cộng |
| 1 | Trịnh Quang Hưng | Chủ tịch HĐQT | | 60.000.000 | - | 60.000.000 |
| 2 | Trịnh Đình Trường | Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc | 671.880.000 | 36.000.000 | - | 707.880.000 |
| 3 | Phạm Văn Cường | Thành viên HĐQT | | 36.000.000 | - | 36.000.000 |
| 4 | Nguyễn Trung Kiên | Thành viên HĐQT | | 12.000.000 | - | 12.000.000 |
| 5 | Trịnh Văn Công | Thành viên HĐQT | | 36.000.000 | - | 36.000.000 |
| 6 | Trịnh Quang Vinh | Thành viên HĐQT | | 36.000.000 | - | 36.000.000 |
| 7 | Trần Đông Hưng | Trưởng Ban kiểm soát | | 36.000.000 | - | 36.000.000 |
| 8 | Lê Thị Vinh | Thành viên BKS | | 24.000.000 | - | 24.000.000 |
| 9 | Nguyễn Thị Trà Giang | Thành viên BKS | 90.000.000 | 24.000.000 | - | 114.000.000 |
| 10 | Nguyễn Thị Thanh Tùng | Kế toán trưởng | 168.000.000 | - | - | 168.000.000 |
| | Tổng cộng | | 929.880.000 | 300.000.000 | - | 1.229.880.000 |

| STT | Thành viên Ban lãnh đạo | Chức danh | Năm 2021 | | | |
|-----|-------------------------|------------------------------------|--------------------|--------------------|--------------------|----------------------|
| | | | Lương, thưởng | Thù lao | Cổ tức | Cộng |
| 1 | Trịnh Quang Hưng | Chủ tịch HĐQT | - | 60.000.000 | 76.024.916 | 136.024.916 |
| 2 | Trịnh Đình Trường | Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc | 619.440.000 | 36.000.000 | 84.904.989 | 740.344.989 |
| 3 | Phạm Văn Cường | Thành viên HĐQT | - | 36.000.000 | - | 36.000.000 |
| 4 | Nguyễn Trung Kiên | Thành viên HĐQT | - | 36.000.000 | - | 36.000.000 |
| 5 | Trịnh Văn Công | Thành viên HĐQT | - | 36.000.000 | - | 36.000.000 |
| 6 | Trịnh Quang Vinh | Thành viên HĐQT | - | 36.000.000 | 43.950.140 | 79.950.140 |
| 7 | Trần Đông Hưng | Trưởng Ban kiểm soát | - | 24.000.000 | - | 24.000.000 |
| 8 | Lê Thị Vinh | Thành viên BKS | - | 24.000.000 | - | 24.000.000 |
| 9 | Nguyễn Thị Trà Giang | Thành viên BKS | 92.160.000 | 24.000.000 | - | 116.160.000 |
| 10 | Nguyễn Thị Thanh Tùng | Kế toán trưởng | 154.296.000 | - | - | 154.296.000 |
| | Tổng cộng | | 865.896.000 | 312.000.000 | 204.880.045 | 1.382.776.045 |

CÔNG TY CỔ PHẦN CHÈ BIỂN HỒ

Thôn 5, xã Nghĩa Hưng, huyện Chư Păh, Tỉnh Gia Lai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**b. Giao dịch với các bên liên quan khác**

Các bên liên quan khác với Công ty bao gồm: công ty con, các công ty mà Công ty đang đầu tư vốn và các thành viên mật thiết trong gia đình của họ, các doanh nghiệp do các nhân viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp biểu quyết của Công ty và các thành viên mật thiết trong gia đình của họ.

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

| Các bên liên quan | Mối quan hệ |
|--|---------------------|
| Công ty Cổ phần Đầu tư Legend Highland | Công ty đầu tư |
| Công ty Cổ phần Cà phê Gia Lai | Cùng Công ty đầu tư |
| Ông Trịnh Đình Trường | Tổng Giám đốc |
| Ông Phạm Văn Cường | Thành viên HĐQT |
| Bà Nguyễn Thị Thanh Tùng | Kế toán trưởng |

Giao dịch với các bên liên quan khác:

| | Năm nay | Năm trước |
|---|----------------|------------------|
| Công ty Cổ phần Cà phê Gia Lai | | |
| - Mua cà phê thành phẩm | 6.524.712.000 | - |
| - Mua tài sản thanh lý | 454.545.454 | - |
| - Mua hàng, dịch vụ khác | 5.454.544 | 5.454.544 |
| - Cho vay | 33.006.000.000 | - |
| - Thu hồi khoản cho vay | 7.324.712.000 | - |
| Công ty Cổ phần Đầu tư Legend Highland | | |
| - Bán cà phê thành phẩm | 16.207.240.900 | - |
| - Mua cà phê thành phẩm | 5.899.399.500 | - |
| Các thành viên quản lý chủ chốt | | |
| - Vay ngắn hạn | 18.985.000.000 | 4.685.000.000 |
| + Ông Phạm Văn Cường | 7.600.000.000 | - |
| + Bà Nguyễn Thị Thanh Tùng | 11.385.000.000 | 1.600.000.000 |
| + Ông Trịnh Đình Trường | - | 3.085.000.000 |
| - Trả gốc vay ngắn hạn | 19.485.000.000 | 11.819.800.000 |
| + Ông Phạm Văn Cường | 7.600.000.000 | - |
| + Bà Nguyễn Thị Thanh Tùng | 11.885.000.000 | 2.449.800.000 |
| + Ông Trịnh Đình Trường | - | 9.370.000.000 |

CÔNG TY CỔ PHẦN CHÈ BIÊN HỒ

Thôn 5, xã Nghĩa Hưng, huyện Chư Păh, Tỉnh Gia Lai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)*Số dư với các bên liên quan khác*

| | <u>Số cuối năm</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|---|--------------------|-------------------|
| Công ty Cổ phần Cà phê Gia Lai | | |
| Phải thu khách hàng | - | 12.500.000.000 |
| Trả trước cho người bán ngắn hạn | - | 20.206.000.000 |
| Phải thu về cho vay ngắn hạn | 16.052.188.000 | 16.576.900.000 |
| Phải thu về cho vay dài hạn | 26.206.000.000 | - |
| Phải thu ngắn hạn khác | 14.286.325.233 | 9.078.475.133 |
| Công ty Cổ phần Đầu tư Legend Highland | | |
| Phải thu khách hàng | 14.584.240.900 | - |
| Phải trả người bán ngắn hạn | 150.880.000 | - |
| Các thành viên quản lý chủ chốt | | |
| - Vay ngắn hạn | | |
| + Bà Nguyễn Thị Thanh Tùng | - | 500.000.000 |

2. Báo cáo bộ phận*- Trình bày báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh*

| | Chè, cà phê, chuối | Vật tư nông nghiệp | Hoạt động khác | Các khoản loại trừ | Cộng |
|--|-----------------------|-----------------------|----------------|-----------------------|----------------|
| Năm nay | | | | | |
| Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài | 86.682.334.061 | 5.374.130.461 | 1.320.341.105 | - | 93.376.805.627 |
| Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận | - | - | - | - | - |
| Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ | 86.682.334.061 | 5.374.130.461 | 1.320.341.105 | - | 93.376.805.627 |
| Giá vốn bộ phận | 76.451.549.337 | 4.843.579.812 | 774.973.928 | - | 82.070.103.077 |
| Lợi nhuận gộp bộ phận | 10.230.784.724 | 530.550.649 | 545.367.177 | - | 11.306.702.550 |
| Năm trước | | | | | |
| Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài | 52.726.180.857 | 6.395.013.932 | 1.587.499.255 | - | 60.708.694.044 |
| Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận | - | - | - | - | - |
| Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ | 52.726.180.857 | 6.395.013.932 | 1.587.499.255 | - | 60.708.694.044 |
| Giá vốn bộ phận | 46.444.154.905 | 5.198.598.424 | 1.127.078.427 | - | 52.769.831.756 |
| Lợi nhuận gộp bộ phận | 6.282.025.952 | 1.196.415.508 | 460.420.828 | - | 7.938.862.288 |

- Trình bày báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý

Trong năm, toàn bộ hoạt động của Công ty chủ yếu được thực hiện tại Việt Nam.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHÈ BIỂN HỒ

Thôn 5, xã Nghĩa Hưng, huyện Chư Păh, Tỉnh Gia Lai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

3. Số liệu so sánh do trình bày lại số liệu

Là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 đã được kiểm toán bởi Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt tại Đà Nẵng.

4. Khả năng hoạt động kinh doanh liên tục

Không có những yếu tố đưa đến sự nghi ngờ về khả năng hoạt động kinh doanh liên tục của Công ty và các biện pháp, cam kết đảm bảo cho sự hoạt động trong thời gian tới của Công ty.

5. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

Gia Lai, ngày 27 tháng 03 năm 2023

PHAN THANH THU

Người lập biểu

NGUYỄN THỊ THANH TÙNG

Kế toán trưởng



TRỊNH ĐÌNH TRƯỜNG

Tổng Giám đốc



